

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Số: 1017 /BNN-KH

V/v: Giao kế hoạch vốn
đầu tư phát triển năm 2017

Hà Nội, ngày 03 tháng 02 năm 2017

Kính gửi: Ban quản lý Trung ương dự án Phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn bền vững các tỉnh miền núi phía Bắc.

Căn cứ quyết định số 2562/QĐ-TTg ngày 31/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ, quyết định số 1989/QĐ-BKHĐT ngày 31/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc giao chi tiết kế hoạch đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước năm 2017;

Căn cứ văn bản số 589/BNN-KH ngày 17/01/2017 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Nhà nước năm 2017.

Căn cứ Quyết định số 2881/QĐ-BNN-KH ngày 13/11/2012 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc Phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch tổng thể dự án Phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn bền vững các tỉnh miền núi phía Bắc;

Bộ Nông nghiệp và PTNT giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2017 với các nội dung như sau:

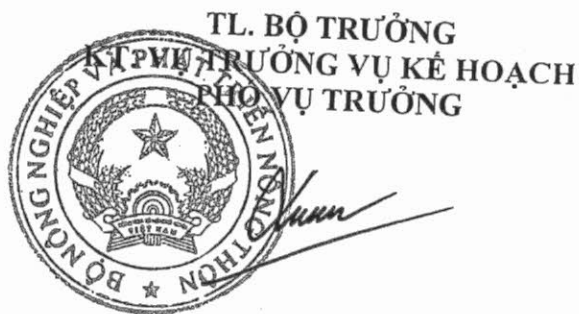
- 1/ Tên dự án: Phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn bền vững các tỉnh miền núi phía Bắc
- 2/ Địa điểm xây dựng: Hà Nội
- 3/ Địa điểm mở tài khoản: Kho bạc NN Trung ương.
- 4/ Thời gian chuẩn bị - hoàn thành: 2011-2017.
- 5/ Mục tiêu: thực hiện tư vấn, đào tạo, giám sát, quản lý dự án.
- 6/ Kế hoạch vốn đầu tư năm 2017:

Đơn vị: Triệu đồng

Cơ cấu vốn	Mã dự án	Tổng mức đầu tư	Thực hiện hết năm 2016	Kế hoạch năm 2017
Tổng số: Trong đó		229.803	181.560	16.000
1. Vốn nước ngoài		205.171		15.000
2. Vốn trong nước	7300242	24.632		1.000

Nơi nhận:

- Như trên;
- Vụ trưởng (để b/c);
- Bộ TC (Vụ ĐT);
- Bộ KH&ĐT (Vụ KTNN);
- Kho bạc nhà nước TW;
- Vụ TC; Ban CPO NN;
- Lưu: VT, KH(10).



Đào Quốc Luân

Số: **1298**/QĐ-BNN-KH

Hà Nội, ngày **10** tháng **4** năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kế hoạch thực hiện năm 2017 phần kinh phí của Ban Quản lý trung ương dự án “Phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn bền vững các tỉnh miền núi phía Bắc”

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và PTNT;

Căn cứ Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16/03/2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài;

Căn cứ Hiệp định tín dụng ký giữa ADB với nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày 23/02/2011, khoản vay số 2682-2683 VIE (SF);

Căn cứ Quyết định số 4969/QĐ-BNN-HTQT ngày 03/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định số 2177/QĐ-BNN-HTQT ngày 13/8/2010 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án “Phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn bền vững các tỉnh miền núi phía Bắc”;

Căn cứ Quyết số 2881/QĐ-BNN-KH ngày 13/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT phê duyệt điều chỉnh kế hoạch tổng thể dự án Phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn bền vững các tỉnh miền núi phía Bắc;

Căn cứ văn bản số 1017/BNN-KH ngày 03/02/2017 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2017 cho các hoạt động thuộc Ban Quản lý trung ương dự án “Phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn bền vững các tỉnh miền núi phía Bắc” thực hiện;

Xét tờ trình số 547/TTr-DANN-KHKT ngày 29/3/2017 của Trưởng Ban quản lý các dự án Nông nghiệp về việc phê duyệt kế hoạch thực hiện năm 2017 phần kinh phí do Ban Quản lý trung ương dự án “Phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn bền vững các tỉnh miền núi phía Bắc” và báo cáo kèm theo;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch,

Phụ lục:

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN NĂM 2017- BAN QUẢN LÝ TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN
ĐƠN PHÁI TRIỂN NGỒ SỞ HẠ TẦNG NÔNG THÔN BỀN VỮNG CÁC TỈNH MIỀN NÚI PHÍA BẮC

(Kèm theo Quyết định số **1298** QĐ-BNN-KH ngày **10 / 4 / 2017** của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến 31/01/2017			Kế hoạch thực hiện năm 2017			Kế hoạch giải ngân năm 2017		
		Tổng	ADB	Đối ứng TW	Tổng	ADB	Đối ứng TW	Tổng	ADB	Đối ứng TW
	Tổng	112.157	88.623	23.046	24.377	18.526	5.852	16.000	15.000	1.000
A	Chi quản lý dự án	15.535	12.785	2.750	2.390	1.646	744	2.000	1.646	354
B	Chi thực hiện dự án	96.622	75.838	20.296	21.987	16.880	5.107	14.000	13.354	646
1	Tư vấn điều tra hiện trạng	1.191	980	211	2.969	2.525	444	1.768	1.718	50
2	Kiểm toán dự toán	1.938	1.595	343	4.462	3.705	757	715	705	10
3	Tư vấn giám sát chính sách an toàn	3.621	2.960	641	559	464	95	844	760	84
4	Đào tạo, Hội nghị, Hội thảo	9.727	8.754	973	400	90	310	100	90	10
5	Tư vấn Quốc tế	61.535	59.543	1.524	10.496	10.081	415	10.177	10.081	96
6	Phí chuyển tiền	535		535	150	0	150	100	0	100
7	Xây dựng tiêu chuẩn tưới tiết kiệm nước cho cây chuối khu vực miền núi phía Bắc	693	0	693	296	0	296	296	0	296
8	Phí thẩm tra quyết toán hoàn thành	0	0	0	250	0	250	0	0	0
9	Kiểm toán quyết toán dự án hoàn thành	0	0	0	450	0	450	0	0	0
10	Phần mềm kế toán	400	329	71	8	8	0	0	0	0
11	Thiết bị văn phòng cho ban trung ương	1.090	877	213	1	1	0	0	0	0
12	Mua sắm ô tô	1.142	799	343	8	6	2	0	0	0
13	Tư vấn chính sách an toàn	11.709	0	11.709	1.938	0	1.938	0	0	0
14	Tư vấn truyền thông về Chương trình xây dựng nông thôn mới	1.388		1.388	0	0	0	0	0	0
15	Nghiên cứu đề án Phát triển nông nghiệp, nông thôn khu vực miền núi phía Bắc	750		750	0	0	0	0	0	0
16	Rà soát, đánh giá hiệu quả hoạt động của một số hệ thống công trình thủy lợi ở miền núi phía Bắc	903		903	0	0	0	0	0	0
17	Tư vấn an toàn giao thông	0		0						
C	Phi Ngân hàng trong thời gian thực hiện									

Chữ ký

BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
BAN QUẢN LÝ CÁC DỰ ÁN
NÔNG NGHIỆP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 746 /QĐ-DANN-KHKT

Hà Nội, ngày 26 tháng 4 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Kế hoạch chi tiết năm 2017
Phần kinh phí Ban quản lý Trung ương Dự án Phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn
bền vững các tỉnh miền núi phía Bắc thực hiện

TRƯỞNG BAN QUẢN LÝ CÁC DỰ ÁN NÔNG NGHIỆP

Căn cứ Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16/3/2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và nguồn vay ưu đãi của Nhà tài trợ;

Căn cứ Hiệp định Tín dụng phát triển, khoản vay số 2682-2683 VIE (SF) ngày 23/02/2011 giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) dự án Phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn bền vững các tỉnh miền núi phía Bắc;

Căn cứ Quyết định số 4969/QĐ-BNN-HTQT ngày 03/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc sửa đổi, bổ sung nội dung Quyết định số 2177/QĐ-BNN-HTQT ngày 13/8/2010 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án Phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn bền vững các tỉnh miền núi phía Bắc;

Căn cứ Quyết định số 2881/QĐ-BNN-KH ngày 13/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT phê duyệt điều chỉnh kế hoạch tổng thể dự án Phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn bền vững các tỉnh miền núi phía Bắc;

Căn cứ văn bản số 1017/BNN-KH ngày 03/02/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2017 cho các hoạt động thuộc Ban quản lý Trung ương dự án Phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn bền vững các tỉnh miền núi phía Bắc thực hiện;

Căn cứ Quyết định số 1298/QĐ-BNN-KH ngày 10/4/2017 của Bộ Nông nghiệp và PTNT phê duyệt kế hoạch thực hiện năm 2017 phần kinh phí của Ban quản lý Trung ương dự án Phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn bền vững các tỉnh miền núi phía Bắc;

Xét tờ trình số 05/TTr-HTMN ngày 25/04/2017 của Giám đốc Ban quản lý Trung ương về phê duyệt kế hoạch chi tiết năm 2017 phần kinh phí do Ban quản lý Trung ương dự án Phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn bền vững các tỉnh miền núi phía Bắc thực hiện.

PHỤ LỤC:

**KẾ HOẠCH THỰC HIỆN NĂM 2017 - PHÂN KINH PHÍ DO BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN
DỰ ÁN PHÁT TRIỂN CƠ SỞ HẠ TẦNG NÔNG THÔN BỀN VỮNG CÁC TỈNH MIỀN NÚI PHÍA BẮC**
(Kèm theo Quyết định số 746/QĐ-DANN-KHKT ngày 26 / 4 / 2017)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến 31/01/2017			Kế hoạch thực hiện năm 2017			Kế hoạch giải ngân năm 2017		
		Tổng	ADB	Đối ứng TW	Tổng	ADB	Đối ứng TW	Tổng	ADB	Đối ứng TW
	Tổng	111.669	88.623	23.046	24.377	18.526	5.852	16.000	15.000	1.000
A	Chi quản lý dự án	15.535	12.785	2.750	2.390	1.646	744	2.000	1.646	354
B	Chi thực hiện dự án	96.134	75.838	20.296	21.987	16.880	5.107	14.000	13.354	646
1	Tư vấn điều tra hiện trạng	1.191	980	211	2.969	2.525	444	1.768	1.718	50
2	Kiểm toán dự toán	1.938	1.595	343	4.462	3.705	757	715	705	10
3	Tư vấn giám sát chính sách an toàn	3.601	2.960	641	559	464	95	844	760	84
4	Đào tạo, Hội nghị, Hội thảo	9.727	8.754	973	400	90	310	100	90	10
5	Tư vấn Quốc tế	61.067	59.543	1.524	10.496	10.081	415	10.177	10.081	96
6	Phí chuyển tiền	535		535	150	0	150	100	0	100
7	Xây dựng tiêu chuẩn tưới tiết kiệm nước cho cây chuối khu vực miền núi phía Bắc	693	0	693	296	0	296	296	0	296

Thư